**Phân tích Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn – mẫu 8**

Nhắc tới Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là chúng ta nhắc tới một vị tướng uy dũng, văn võ toàn tài và có công rất lớn trong công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thắng lợi. Có thể nói, ông là minh chứng cho sự hội tụ hào khí Đông A của triều đại nhà Trần. Đoán trước được lòng quyết tâm phục thù trở lại xâm lược lần hai của quân Nguyên, Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương đã chủ động mở cuộc duyệt binh lớn ở Đông Thăng Long vào tháng 9 năm 1284 và công bố bài Hịch "Dụ chư tì tướng hịch văn" (tức Hịch tướng sĩ). Mục đích của bài hịch là khích lệ, kêu gọi tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của tướng sĩ nhà Trần đồng lòng dốc sức nhất tề đứng lên chống lại quân xâm lược; đồng thời kêu gọi các tướng sĩ ra sức học tập cuốn "Binh gia diệu lí yếu" (Binh gia yếu lược) do chính ông biên soạn để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến đấu chống quân Nguyên lần hai. Bài Hịch không những có giá trị lịch sử quan trọng mà còn là một tác phẩm văn học trung đại độc đáo của thơ văn Lý – Trần thời kì đó.

Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Hịch thường được viết theo hình thức văn biền ngẫu, kết cấu chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn. Cấu trúc chung của bài Hịch thường gồm bốn phần những vẫn có thể thay đổi linh hoạt cho phù hợp với mục đích và nghệ thuật lập luận của tác giả. Bài "Hịch tướng sĩ" có những sáng tạo linh hoạt trong cấu trúc, bao gồm có hai phần: nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. Tuy được viết theo thể Hịch nhưng đây là áng văn chính luận xuất sắc, lời văn thống thiết, hình ảnh giàu biểu cảm, mang đậm chất trữ tình.

Mở đầu bài Hịch, với một giọng điệu trò chuyện, tác giả đã nêu lên một loạt các tấm gương "trung thần nghĩa sĩ" đã dũng cảm xả thân vì nước, vì chủ trong lịch sử từ quá khứ xa xưa (Hán, Đường) cho tới "mới đây" (Tống, Nguyên) mà ai cũng biết. Cách nêu gương như vậy, một mặt làm tăng thêm tính thuyết phục về một chân lí phổ biến trong xã hội ở mọi thời: đời nào cũng có những anh hùng nghĩa sĩ tiết liệt sẵn sàng bỏ thân để vì nước; đồng thời tác động tới nhận thức của các tướng sĩ : khơi dậy ý thức trung thành, khéo léo nhắc nhở về bổn phận, trách nhiệm của bậc nam nhi sinh ra trong thời chiến.

Đoạn văn tiếp theo, từ việc nêu các tấm gương sáng trong sử sách, tác giả chỉ ra tình hình đất nước hiện nay. Với một giọng điệu xót xa, đau đớn, căm phẫn ông đã tái hiện những sự việc đang diễn ra ở đất nước ta dưới vó ngựa xâm lăng của quân Nguyên Mông, khiến cho bất cứ những người dân yêu nước nào cũng phải ngậm ngùi, đau xót: "... Ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giả đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa,để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!". Người đọc dễ dàng nhận thấy, dưới ngòi bút của tác giả, ông đã thú vật hóa chân dung và bản chất của bọn giặc, khiến bọn chúng hiện lên vừa đớn hèn nhu nhược, vừa tham lam ích kỉ, vừa mọi rợ, tàn ác đến mất hết tính người. Lời văn tràn đầy niềm phẫn uất, căm tức đến tuyệt đỉnh, bộc lộ tâm thế nhất quyết không đội trời chung với giặc và ẩn sau đó là khí thế chiến đấu, tinh thần yêu nước mãnh liệt, quật cường của vị chủ tướng thống lĩnh đại quân.

Tấm lòng yêu nước nồng nàn của Trần Quốc Tuấn được thể hiện rõ nhất qua hai câu văn: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng". Các câu văn được viết theo hình thức thể văn biền ngẫu, câu văn ngắn dài sóng đôi, kết hợp với giọng điệu dồn dập, gấp gáp đã thể hiện được lòng căm thù giặc, khí thế anh hùng dũng liệt và tinh thần chiến đấu mạnh mẽ của tác giả. Ông nguyện xả thân, không tiếc thân mình, sống chết vì đất nước. Ta đọc ở đây một trách nhiệm công dân cao độ, một ý chí khát vọng lập công mạnh mẽ của một bậc trượng phu có lý tưởng sống và chiến đấu cao đẹp, thiêng liêng: quyết tử cho tổ quốc quyết sinh.

Tiếp đến tác giả khơi dậy mối ân tình của mình đối với các tướng sĩ. Có thể nói, đối với các tướng sĩ dưới trướng của ngài, Trần Quốc Tuấn hiện lên như một người cha lớn hết lòng quan tâm, yêu thương, chở che, đùm bọc: "... không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa". Thậm chí trong loạn lạc thì cùng san sẻ, gánh vác hiểm nguy, cùng nhau sống chết; lúc thời bình thì cùng nhau vui cười. Mối ân tình đó được ông ví như Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước. Đây là cách khéo léo của Trần Quốc Tuấn, khi ông lấy chữ "Tình" ra để mà thức tỉnh quân sĩ, từ đó nhắc nhở họ có ý thức, trách nhiệm đối với chủ tướng, vua tôi.

Sau khi nói về "đạo thần chủ", tác giả chuyển sang phê phán, trách móc thái độ và hành động thờ ơ, vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước tình hình nguy nan của đất nước, của chủ mình. Ông đã phân tích, chỉ ra rất nhiều những sự hưởng thụ cá nhân ích kỉ, chỉ biết trốn tránh trách nhiệm đối với đất nước của các tưới sĩ: nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, quyến luyến vợ con... Để từ đó, tác giả chỉ ra hai viễn cảnh trái ngược nhau. Thứ nhất, nếu các tướng sĩ cứ có thái độ và hành động bàng quang, vô trách nhiệm với vận mệnh của đất nước thì: mất đi tài sản đất đai, gia đình vợ con tan tác chia lìa, xã tắc tổ tông bị giày xéo; tính mạng không những không giữ được mà thanh danh còn ô uế đến muôn đời. Nhưng ngược lại, nếu các tướng sĩ chăm chỉ huấn luyện, "tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ" thì chẳng những đền được nợ nước thù nhà (bêu đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai) mà còn đem lại lợi ích cho bách gia trăm họ, cho bản thân, gia đình đến muôn đời (Thái ấp ta mãi vững bền; mà bộc lộc các ngươi cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão...tên họ các ngươi cũng được sử sách lưu thơm). Nghệ thuật tương phản đã cho thấy hai viễn cảnh đối ngược nhau, Trần Quốc Tuấn đã để cho các tướng sĩ tự chiêm nghiệm, suy ngẫm về sự mất – được, hại – lợi, sáng – tối mà tự chọn cho mình một đường đi đúng đắn.

Kết thúc bài Hịch, tác giả nêu lên một tư tưởng giáo dục, một nhận thức đúng đắn sâu sắc, cụ thể, đó là "đạo thần chủ". Yêu nước, trung thành với chủ phải được thể hiện bằng hành động, chăm chỉ tập luyện binh pháp và rèn luyện binh thư. Còn nếu lười biếng, trốn tránh tập luyện, trái lời dạy bảo thì coi như nghịch thù. Đây không chỉ là lời tuyên chiến mạnh mẽ với giặc mà còn là lời tuyên chiên, bác bỏ với mọi tư tưởng đầu hàng, thỏa hiệp đình chiến. Thể hiện lòng quyết tâm gang thép, tinh thần chiến đấu mạnh mẽ, cháy bỏng không gì thay đổi được ở vị tướng tài ba Trần Quốc Tuấn.

Về mặt nghệ thuật, có thể nói bài Hịch đã đạt tới trình độ mẫu mực của thể văn chính luận. Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, có lớp lang, theo trình tự tăng tiến cho tới khi kết thúc tác phẩm. Giong văn biến đổi linh hoạt: khi thì nhẹ nhàng trò chuyện tâm tình thân mật (đoạn 1); khi lại đau xót uất ức, căm hờn (đoạn 2); lúc lại hào sảng, tươi vui (đoạn 3); khi lại nghiêm khắc, rắn rỏi (đoạn 3 và đoạn cuối). Ngoài ra, bài Hịch còn sử dụng rất tài tình thể văn biền ngẫu với các cặp câu cân xứng nhịp nhàng, đăng đối hô ứng nối tiếp nhau trong văn bản, giúp ý tứ được tung hứng tài tình, thắt buộc chặt chẽ, dẫn dắt người đọc đến mục đích cuối cùng của người viết. Phép trùng điệp, liệt kê kết hợp với các câu hỏi tu từ càng làm tăng thêm sức biểu cảm cho bài hịch. Bên cạnh đó, ngôn ngữ hình ảnh bài hịch cũng rất phong phú, sinh động, giàu sức gợi (khi nói về bọn giặc, tác giả sử dụng ngôn ngữ vật hóa: uốn lưỡi cú diều, đem thân dê chó, đem thịt mà nuôi hổ đói...). Và trong bài, tác giả cũng sử dụng khá nhiều những điển cố, điển tích những rất dễ hiểu, hài hòa, tự nhiên...Tất cả đã góp phần làm nên thành công của bài Hịch.

Tóm lại, "Hịch tướng sĩ" là một văn bản không những có ý nghĩa lịch sử: phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân dân ta trong công cuộc bảo vệ biên cương, bờ cõi, mà văn bản còn là một tác phẩm văn học, một áng văn chính luận mẫu mực, bậc thầy, rất xứng đáng là "áng thiên cổ hùng văn" của muôn đời.